

Số: 212/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 377/2026/TLST- DS, ngày 05 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại cổ phần S1); Địa chỉ: số D đường N, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng H. Chức vụ: Giám đốc Phòng G, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2026).

- Bị đơn:

1. Anh Mai Thành Ú, sinh năm 1983; CCCD 087083002300, cấp ngày 22/4/2021.

2. Chị Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1988; CCCD 087188023024, cấp ngày 11/8/2022.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/3/2026 là 226.307.423 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm lẻ bảy

ngàn, bốn trăm hai mươi ba đồng) (Trong đó vốn gốc là vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.893.562 đồng, lãi quá hạn là 6.112.192 đồng, lãi phạt là 1.301.669 đồng).

2.2. Về dư nợ gốc mà anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 còn nợ là 200.000.000 đồng, anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà Hợp đồng tín dụng số 202427872754 ngày 10/9/2024; Giấy nhận nợ LD2425400863 ngày 10/9/2024 giữa Ngân hàng với anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2.3. Công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 202427872754A ngày 10/9/2024. Trường hợp anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng số 202427872754 ngày 10/9/2024; Giấy nhận nợ LD2425400863 ngày 10/9/2024 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202427872754A ngày 10/9/2024 quy định. Nếu phát mãi các tài sản nêu trên mà vẫn chưa đủ nợ gốc và lãi phát sinh thì anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S đến khi tất toán nợ vay.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S có nghĩa vụ hoàn trả lại tài sản thế chấp cho anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 theo quy định.

2.4. Về án phí: Anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 tự nguyện nộp 5.958.000 đồng (Năm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.658.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006537 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Về chi phí thẩm định: Anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 tự nguyện chịu 600.000 đồng, số tiền này Ngân hàng thương mại cổ phần S đã tạm nộp chi xong, anh Mai Thành Ú và chị Nguyễn Thị Diệu H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 600.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lê Quan Nam